

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 814/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02/8/2018
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường

2. Bà Bùi Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 489/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp: “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2018/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1973

Địa chỉ: a đường số b, khu phố b, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1973

Địa chỉ: a đường số b, khu phố c, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của nguyên đơn bà Lê Thị H xác định: Bà và ông Nguyễn Thanh H chung sống với nhau từ 1998, cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do ông H không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc dẫn đến kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, vì vậy bất đồng giữa hai bên ngày càng trầm trọng. Trước đó, vào năm 2011 bà đã từng gửi đơn xin được ly hôn, tuy nhiên vì muốn tạo điều kiện cho ông H sửa đổi những sai lầm và thiếu sót để vợ chồng có cơ hội hàn gắn xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy con cái nhưng không được. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn với ông H. Thời gian chung sống ông bà có 02 người con chung tên Nguyễn Thảo M, sinh ngày 07/01/1999 đã trưởng thành và Nguyễn Khánh M, sinh ngày 29/12/2009. Bà H yêu cầu được trực

tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung bà H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nợ chung bà H xác định không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên không có lời khai.

* Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp:

- Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của bà H (bản sao), Chứng minh nhân dân của ông H (bản phô tô);

- Trích lục khai sinh (bản sao);

- Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 144/2011/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2011 (bản sao);

- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

* Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không có

* Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập:

- Phiếu xác minh ngày 10/5/2018 của Công an phường Trường Thọ, quận Thủ Đức;

- Công văn phúc đáp tình trạng hôn nhân và gia đình số 669/LĐTB ngày 21/6/2018 của phòng Lao động và thương binh xã hội quận Thủ Đức.

Đại diện Viện kiểm sát quận Thủ Đức trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về mặt tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về mặt nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Thủ Đức nhận định:

[1]Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu “Ly hôn” với ông Nguyễn Thanh H căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông H cư trú tại quận Thủ Đức, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thanh H nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2]Về nội dung:

Bà Lê Thị H chung sống với nhau năm 1998 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 149 quyển số 01/1998 do Ủy ban nhân dân phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/1998 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại Tòa, bà H xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh H. Căn cứ vào Công văn số 669/LĐTĐ ngày 21/6/2018 của phòng Lao động và thương binh xã hội quận Thủ Đức phúc đáp về tình trạng hôn nhân và gia đình; căn cứ bản tự khai ngày 29/6/2018 của người con đã trưởng thành tên Nguyễn Thảo M, sinh ngày 07/01/1999 và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 144/2011/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2011. Có cơ sở xác định quá trình chung sống giữa bà Lê Thị H và ông Nguyễn Thanh H có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông H thiếu trách nhiệm với gia đình. Mặc dù đã có cơ hội sửa chữa, khắc phục nhưng không có kết quả. Quá trình tố tụng tại Tòa án, đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần giấy triệu tập nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, thể hiện ý thức không muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình.

Vì vậy căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc xin ly hôn.

Về con chung: Có cơ sở xác định bà và ông H có 02 người con chung tên Nguyễn Thảo My, sinh ngày 07/01/1999 đã trưởng thành và Nguyễn Khánh My, sinh ngày 29/12/2009. Do ông H thiếu trách nhiệm với gia đình đồng thời cân nhắc đến nguyện vọng của con chưa thành niên nên yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà H là có cơ sở, ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của nguyên đơn là tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Khánh M, sinh ngày 29/12/2009 cho bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà H tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

2-/ Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0038765 ngày 10/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3-/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án ND TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q. Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Khắc Hưng